SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La; Thời gian ký: 2026-11-23T17:20:22+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 45/2026/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;

Xét Tờ trình số 867/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 219/BC-VHXH ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ; quy định mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố *(sau đây gọi là nhân viên y tế bản, tổ dân phố)*.

b) Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của cấp có thẩm quyền *(sau đây gọi chung là cô đỡ thôn, bản)*.

c) Người làm công tác dân số ở thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố *(sau đây gọi là cộng tác viên dân số)* đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Số lượng nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh

1. Số lượng nhân viên y tế bản, tổ dân phố: bố trí 01 người tại mỗi thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Số lượng cô đỡ thôn, bản: bố trí 01 người tại mỗi thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp 01 người được cấp có thẩm quyền quyết định phân công đảm nhiệm đồng thời là nhân viên y tế bản, tổ dân phố quy định tại khoản 1 và là cô đỡ thôn, bản quy định tại khoản 2 Điều này tại cùng một thôn, bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được hưởng đầy đủ mức hỗ trợ hằng tháng của từng nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 3. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số

1. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản:

a) Mức 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng áp dụng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản làm việc tại: các bản có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ; các tổ dân phố, tiểu khu có từ 500 hộ gia đình trở lên.

b) Mức 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng áp dụng đối với nhân viên y tế bản, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản làm việc tại thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố còn lại.

2. Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số:

a) Mức 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: các bản có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, tiểu khu có từ 500 hộ gia đình trở lên;

b) Mức 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố còn lại.

3. Thù lao đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm cộng tác viên dân số: Nhân viên y tế bản, tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản hoặc cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm nhiệm cộng tác viên dân số được hưởng mức thù lao kiêm nhiệm hằng tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số, thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này cao hơn mức đang hưởng theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND thì cộng tác viên dân số tiếp tục hưởng mức đang hưởng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026; phần chênh lệch thù lao trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 được chi trả trong năm 2027 theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Y tế;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Lò Minh Hùng